

Vấn đề trao quyền độc lập và sự thất bại của thực dân Pháp ở Việt Nam

Trần Viết Nghĩa*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 08 tháng 8 năm 2015

Chỉnh sửa ngày 16 tháng 8 năm 2015; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 8 năm 2015

Tóm tắt: Đề đối phó với phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam, từ những năm 1920 đến trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thực dân Pháp nhiều lần hứa hẹn về việc nói rộng các quyền tự do, dân chủ cho người dân Việt Nam và mở rộng quyền nội trị cho triều Nguyễn. Tuy nhiên, thực dân Pháp đã không thực hiện những hứa hẹn này một cách chân thành. Trong thời kỳ 1945-1954, thực dân Pháp nhiều lần hứa hẹn trao trả quyền độc lập cho nước Việt Nam. Nhưng thay vì trao trả nền độc lập đó cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chính phủ đại diện cho nhân dân Việt Nam, thì thực dân Pháp chỉ đàm phán với chính quyền Bảo Đại do chúng lập nên. Thực dân Pháp cũng không có thành ý trao trả nền độc lập thực sự cho chính quyền Bảo Đại. Sự lừa dối trong việc trao trả nền độc lập là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự thất bại của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Từ khóa: Độc lập, thất bại, thực dân Pháp, Bảo Đại, Việt Nam.

Năm 1932 thực dân Pháp đưa Bảo Đại (1913-1997) về nước làm vua với những hứa hẹn nói rộng quyền lực cho Nam triều. Chúng muốn lợi dụng Nam triều để cùng nhau đàn áp các cuộc đấu tranh của dân chúng. Khi các cuộc đấu tranh này lắng dịu xuống thì chúng vội nuốt trôi lời hứa. Nam triều vẫn chỉ là bù nhìn cho chúng. Năm 1945, sau khi Thế chiến thứ hai vừa kết thúc thực dân Pháp liền tái xâm lược Việt Nam. Để tạo đối trọng với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, chúng lập ra chính

quyền tay sai Bảo Đại. Bảo Đại trở thành giải pháp để Pháp lợi dụng chống lại cuộc kháng chiến vì độc lập của nhân dân ta, còn Mỹ thì lợi dụng để chống cộng sản. Để đánh lừa dư luận quốc tế, trong nước và Việt Nam, Pháp nhiều lần tuyên bố trao trả nền độc lập cho Việt Nam. Tuy nhiên, đó chỉ là trò lừa bịp mà hậu quả của nó là một trong những nguyên nhân dẫn đến thất bại của Pháp ở Việt Nam.

1. Pháp chủ trương nói rộng quyền lực cho vua Nguyễn theo Hiệp ước 1884

Ngày 6-6-1884 triều Nguyễn ký với thực dân Pháp bản Hiệp ước Patenôtre. Đây là một

*ĐT.: 84- 986376599

Email: vietnghia_77@yahoo.com

hiệp ước bất bình đẳng vì nó dựa trên sự thất bại của triều Nguyễn trước sự xâm lược của thực dân Pháp. Triều Nguyễn buộc phải chấp nhận Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp, Trung Kỳ là xứ bảo hộ và Bắc Kỳ là xứ bán bảo hộ. Thực dân Pháp nắm trọn quyền ngoại giao, quân đội và thuế quan. Điểm đáng chú ý là hiệp định này vua Nguyễn còn giữ được một số quyền nội trị đáng kể [4].

Thực dân Pháp dần tước đoạt quyền hành của vua Nguyễn để thu tóm quyền lực. Hiệp ước Monguillot ngày 6-11-1925 đã tước đoạt tối đa quyền nội trị của vua Nguyễn¹. Theo hiệp ước thì những việc thuộc về hình thức, tư pháp và trị an trong nước, công vụ, lựa chọn và bổ dụng quan lại Nam triều sẽ do quan đại diện của nhà nước Bảo hộ thực hiện. Việc bổ dụng và cách chức các Thượng thư do Hoàng đế tài định, nhưng phải được viên Khâm sứ Trung Kỳ đồng ý và Toàn quyền Đông Dương thông qua. Các khoản chi tiêu của triều đình sẽ sáp nhập vào dự toán ngân sách của chính quyền bảo hộ Trung Kỳ. Khâm sứ Trung Kỳ sẽ chủ tọa Hội đồng các quan Thượng thư [3].

Các cuộc đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân ta trong những năm 1920-1930 buộc thực dân Pháp phải tính đến cải cách chính trị ở Việt Nam. Toàn quyền Đông Dương Pasquier coi xét lại hiệp ước 1884 là một giải pháp chính trị quan trọng. Ông nhấn mạnh sự cần thiết phải khôi phục lại quan quyền của người Việt Nam mà người Pháp đang đảm nhiệm. Việt Nam vẫn phải là một nước quân chủ. Ngôi vua vẫn cần thiết để nối dõi phụng thờ quốc tổ, tiêu biểu cho quốc hồn và sự thần phục của dân chúng. Ông không nén nổi sự kỳ vọng ở Bảo Đại: “Đức thiếu quân ngày nay hiện đương du học bên Pháp tấn tới lắm, sau này sẽ là ông vua tân thời

thứ nhất của nước Nam” [6]. Ông tin Bảo Đại sẽ thực hiện được những chức vụ cao thượng của mình. Quan Pháp chỉ là người cố vấn cho nhà vua. Vua có quyền tự chọn lấy các thượng thư, sửa đổi chế độ quan lại cho phù hợp với chế độ bảo hộ. Chính thể của nhà vua sẽ nằm trong liên bang dưới sự cai trị của nước Đại Pháp, dân Việt Nam sẽ là công dân liên bang. Tuy nhiên, những lời đường mật của Pasquier không giấu nổi một thực tế là thực dân Pháp vẫn nắm quyền cai trị. Sự duy trì chế độ quân chủ lỗi thời của Pasquier là một sự thụt lùi lớn trong tiến trình dân chủ hóa và khai hóa văn minh của Pháp ở Việt Nam.

Năm 1930 diễn ra cuộc bút chiến nảy lửa giữa Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh trên diễn đàn báo chí. Trong khi Phạm Quỳnh ra sức bảo vệ cho tư tưởng bảo hoàng và thể chế quân chủ lập hiến, thì Nguyễn Văn Vĩnh lại đề cao tư tưởng trực trị. Dư luận chăm chú theo dõi cuộc bút chiến này, nhưng phần nhiều không tán đồng với quan điểm của hai ông. Tư tưởng lập hiến của Phạm Quỳnh vấp phải sự phản ứng kịch liệt của phe đối lập trong Nghị viện Bắc Kỳ. Thậm chí Huỳnh Thúc Kháng, Viện trưởng Viện dân biểu Trung Kỳ, còn gửi thư phản kháng tới Pasquier. Phan Khôi gọi hiến pháp mà Phạm Quỳnh nói tới là hiến pháp tam giác, bởi nó dựa trên sự phân quyền giữa bảo hộ, vua và dân. Theo ông quan hệ giữa nước lớn với nước nhỏ mà điều ước 1884 không vững thì cái hiến pháp do nước lớn đặt ra cũng không thể vững được. Nếu người Pháp trả lại quyền nội trị cho nhà vua theo hiến pháp mới thì chưa chắc nhà vua thực thi lập hiến, mà sử dụng nó để đàn áp những người chống đối [1]. Hiến pháp này có tính chất bị động, vì nó do người Pháp đặt ra cho triều đình và dân chúng An Nam. Dân chúng nổi lên là đòi quyền lợi, chứ không đòi nhà nước Pháp trả lại quyền nội trị cho nhà vua.

¹ Hiệp ước Monguillot được thực dân Pháp và triều Nguyễn ký kết ngay sau cái chết của vua Khải Định.

Hiển pháp chỉ nhắc Bắc Kỳ và Trung Kỳ mà không hề đề cập đến Nam Kỳ [1].

Năm 1930-1931 tình hình chính trị ở Việt Nam đột ngột căng thẳng với cuộc khởi nghĩa Yên Bái và Xô viết Nghệ Tĩnh. Thực dân Pháp liền hứa trao thêm một chút quyền tự trị cho nhà vua để ve vãn Nam triều, với ý đồ muốn hợp lực cùng Nam triều để đàn áp dân chúng. Nam triều lúc này cần có một người đứng đầu là vua². Bảo Đại là một sản phẩm chiến lược của Pháp. Nhân chuyến đi dự hội chợ triển lãm ở Marseille năm 1922, vua Khải Định đã đem hoàng tử Vĩnh Thụy (Bảo Đại) sang Pháp để nhờ người Pháp dạy dỗ hộ. Người phụ trách nuôi dạy Bảo Đại là cựu Khâm sứ Trung Kỳ Charles. Giải pháp Bảo Đại trong chiến lược cai trị của Pháp ở Việt Nam hình thành từ đây. Năm 1932 thực dân Pháp đưa Bảo Đại về nước làm vua. Khác với các vua triều Nguyễn trước đó, Bảo Đại được phủ một lớp sơn phương Tây hào nhoáng bên ngoài. Ông là một trí thức Tây học và chịu ảnh hưởng sâu đậm của lối sống Tây phương.

Người Pháp muốn tạo dựng một ông vua An Nam kiểu mới, vừa trung thành với nước Pháp, vừa thông hiểu văn hóa Việt Nam và văn hóa Pháp. Trước đó họ từng có ý đồ biến vua Thành Thái và Duy Tân theo kiểu Bảo Đại nhưng không thành công, vì hai ông vua này có tinh thần yêu nước chống Pháp. Người Pháp, đặc biệt là Pasquier³ hiểu rõ lịch sử, văn hóa và thiết chế chính trị Việt Nam truyền thống. Người Pháp biết vua có quyền lực rất lớn và ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống văn hóa chính trị ở Việt Nam, nên muốn giữ lại ngôi vua để lợi dụng. Họ nghĩ người Việt Nam trung thành với vua sẽ trung thành với nước Pháp.

² Năm 1925 vua Khải Định chết, do Bảo Đại còn nhỏ nên thực dân Pháp lập một Hội đồng phụ chính để giúp vua cai quản Nam triều.

³ Pasquier là một học giả trước khi làm Toàn quyền, viết cuốn *Nước Nam xưa* trong đó ca ngợi chế độ quân chủ.

Tuy giữ lại ngôi vua nhưng họ tìm mọi cách tước đoạt quyền lực của nhà vua. Họ nghĩ chỉ cần ve bề ngoài của nhà vua và những nghi lễ truyền thống là đủ. Phạm Quỳnh cho rằng để sự hợp tác Pháp - Nam có hiệu quả thì người Pháp phải thực hiện hiệp ước 1884, trả lại những quyền của vua Nguyễn đã bị tước đoạt.

Từ Nam Phong đã dành những lời lẽ hoa mỹ nhất để giới thiệu tới người đọc chân dung Bảo Đại, vị quân vương tân thời trẻ tuổi thứ nhất của nước Nam. Theo báo thì đức vua sẽ trừ bỏ hết những điều gì cũ kỹ không thích hợp với đời nay trong các thể lệ xưa và tập tục cổ trong triều đình và nội phủ; sẽ đem tinh thần mới vào các cơ quan cai trị; xóa bỏ những hủ bại trong chốn quan trường. Cải cách của đức vua sẽ làm cho nước Nam tiến một bước dài trong con đường chấn chỉnh, canh tân và đổi mới thể chế chính trị và cai trị. Đức vua tuy theo tân học nhưng vẫn không quên cổ tục của nước nhà [11].

Bảo Đại về nước đã lập tức tiến hành cải cách nội các triều Nguyễn. Nội các cũ gồm những viên quan đại thần có quyền lực lớn trong triều bị gạt ra ngoài, thay vào đó là một nội các mới do Bảo Đại đứng đầu. Nội các mới của Bảo Đại toàn là những phần tử trung thành với Pháp như Phạm Quỳnh, Ngô Đình Diệm, Thái Văn Toản, Hồ Đắc Khải và Bùi Bằng Đoàn. Cái trò bình mới rượu cũ của người Pháp không dễ che mắt dư luận. Nhà văn Nguyễn Công Hoan liền viết tác phẩm *Đào kép mới* để mỉa mai chuyện người Pháp muốn làm mới cái trò hề với công chúng vốn đã trở nên tẻ nhạt từ lâu.

Bảo Đại sớm nhận ra thực tế cay đắng rằng ông là một vị vua không quyền lực. Ông phản ứng lại người Pháp bằng cách ít lâm triều, chán nản và sa đà vào những cuộc truy hoan bất tận. Tuy nhiên điều này chẳng làm cho người Pháp bận tâm. Họ không thực hiện hiệp ước 1884 và lập hiến nữa là vì tình hình chính trị ở Việt Nam sau năm 1932 đã vào ổn định. Bảo Đại vẫn chưa hết hi vọng ở người Pháp.

Năm 1939 Bảo Đại và Phạm Quỳnh đi Pháp để yêu cầu chính phủ Pháp bãi bỏ Hiệp ước Monguillot, đòi trở lại hiệp ước 1884, trả Bắc Kỳ cho Nam triều và nói rộng quyền lực cho Nam triều. Bảo Đại gặp gỡ Georges Mandel, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp, để bày tỏ sự chán nản mà nền chính trị Pháp dành cho ông. Trước khi rời Pháp, ngày 27-8-1939 ông gửi cho Georges Mandel một kế hoạch bày tỏ ý muốn biến Hội đồng Tư vấn Bắc Kỳ thành một chính phủ địa phương do Thống sứ Pháp tại Bắc Kỳ làm chủ tọa, cử một đại thần Việt Nam làm phụ tá cho Thống sứ để kiểm soát quan lại Việt Nam, tái lập ngân sách triều đình cho Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Toàn quyền Đông Dương Catroux đã thảo luận với ông về vấn đề này. Hai bên đồng ý trên nguyên tắc vài cải cách hành chính, nhưng Catroux đề nghị tạm hoãn thi hành vì lý do chiến tranh. Như vậy là dù đã muối mặt sang Pháp với lý do chữa bệnh để đàm phán chính trị, nhưng rốt cuộc Bảo Đại phải chịu sự bẽ mặt ở Pháp. Từ Ngày Nay ở Việt Nam đã đăng một loạt bài chế nhạo chuyển đi vô bổ này của Bảo Đại và Phạm Quỳnh.

Thất bại này của Bảo Đại cho thấy thực dân Pháp không thực lòng nói rộng quyền lực cho Nam triều. Ý định trao quyền cho nhà vua chỉ có tính chất nhất thời. Bởi sau khi đàn áp xong các cuộc đấu tranh của nhân dân ta thì chúng liền lờ tịt những hứa hẹn cải cách. Bảo Đại thêm một lần nữa phải chịu nhục. Ông đành nuốt giận mà cam chịu sống trong cái lồng vàng của người Pháp.

2. Pháp từ chối công nhận nền độc lập của nước VNDCCH

Ngày 9-3-1945 Nhật bắt ngờ nổ súng đảo chính Pháp để độc chiếm Đông Dương. Một ngày sau đảo chính, Bảo Đại đã quyết định từ bỏ Pháp để theo Nhật. Trước sức ép của Nhật,

Bảo Đại phải giải tán nội các cũ và chỉ định Trần Trọng Kim lập nội các mới thân Nhật. Ngày 11-3-1945 Bảo Đại ra tuyên cáo độc lập, tuyên bố cắt đứt mọi quan hệ với người Pháp và đích thân trị vì. Tuy nhiên, nền độc lập mà Nhật đem lại cho Việt Nam chỉ là giả hiệu, thực tế vua tôi triều Nguyễn trở thành bù nhìn cho giặc Nhật.

Ngày 15-8-1945 Nhật đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện. Đảng Cộng sản và Mặt trận Việt Minh nhanh chóng phát động quần chúng tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Trong bối cảnh đó, ngày 17-8-1945 Bảo Đại chủ trì cuộc họp nội các Trần Trọng Kim để thảo luận các bản dự thảo thư gửi tới đại diện các nước Đồng Minh để bảo vệ nền độc lập giành được từ tay người Nhật. Theo Phạm Khắc Hòe⁴ thì thư được viết bằng một thứ Pháp văn rất chải chuốt, màu mè cho phù hợp với mỗi đối tượng và có giọng điệu thống thiết. Bản dự thảo được đa số thành viên nội các hoan nghênh, trừ Trần Đình Nam và Hồ Tá Khánh. Theo Trần Đình Nam không nên hạn chế gửi thư cho bốn nước Đồng Minh là Mỹ, Anh, Pháp và Tàu mà nên gửi cả cho người đứng đầu Liên Xô là Stalin nữa. Quan điểm này được Hồ Tá Khanh ủng hộ, nhưng bị các thành viên nội các khác phản đối. Trần Đình Nam cho rằng toàn dân thất chặt đoàn kết quanh tổ chức mạnh nhất, hăng hái nhất là Việt Minh và để tránh cho nước ngoài giở thủ đoạn chia để trị thì toàn thể nội các nên từ chức, hoàng đế cũng nên rút lui để nhường hẳn quyền cho Việt Minh. Ý kiến này bị Trần Trọng Kim phản đối kịch liệt [5, tr. 55-56].

Ngày 18-8-1945 Bảo Đại gửi những điện thư tới tổng thống Mỹ Truman, Quốc vương Anh George VI, Thống chế Tưởng Giới Thạch và tướng De Gaulle. Trong thư gửi tướng De

⁴ Phạm Khắc Hòe lúc đó làm Đồng lý Văn phòng của vua Bảo Đại.

Gaulle, Bảo Đại phản đối bất cứ sự cai trị, đô hộ của ngoại bang, đồng thời khẳng định ý chí giành độc lập đang tràn ngập mọi con tim mà không một sức mạnh nào đè nén được. Ông đề nghị Pháp công nhận nền độc lập thực sự của nước Việt Nam, đồng thời mạnh mẽ cảnh báo Pháp không nên có ý đồ xâm lược Việt Nam: “Dù cho các bạn có thể khôi phục lại nền cai trị của Pháp ở đây thì cũng không được tuân theo: mỗi làng xóm sẽ trở thành một ổ kháng chiến, mỗi người trước kia cộng tác với Pháp nay sẽ trở thành địch thủ của người Pháp và các công chức của Pháp, các thực dân của Pháp sẽ phải xin ra khỏi bầu không khí không thể thở được này. Tôi xin các bạn hãy hiểu rằng, cách duy nhất để cứu vãn các lợi ích của Pháp và ảnh hưởng trí tuệ của nước Pháp ở Đông Dương là thẳng thắn công nhận nền độc lập của Việt Nam và từ bỏ ý định khôi phục lại chủ quyền hoặc một nền cai trị của Pháp dưới bất cứ hình thức nào. Chúng ta có thể hiểu nhau dễ dàng và trở thành những người bạn của nhau, nếu các bạn ngừng ý định trở lại như những người chủ của chúng tôi” [2]. Với bức thư này Bảo Đại đã lường trước được nguy cơ thực dân Pháp tái xâm lược Việt Nam. Ông tỏ ý muốn làm bạn với người Pháp trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng và hợp tác chân thành với nhau, chứ không phải quan hệ theo kiểu chủ tớ như trước kia. Ông phản đối bất cứ sự xâm lược để thiết lập ách cai trị của người Pháp, kêu gọi Pháp công nhận nền độc lập của nước Việt Nam. Chỉ tiếc là tinh thần chống Pháp này của ông đã không duy trì được lâu.

Trong khi Trần Trọng Kim đôn đốc lo việc tập hợp các lực lượng nhiệt tâm của quốc gia, thành lập một Ủy ban cứu quốc, thì ngày 18-8-1945 Bảo Đại ra tuyên ngôn kêu gọi tất cả các đảng phái chính trị đoàn kết lại trong một sự phấn khởi chung dưới biểu tượng thống nhất và độc lập. Ngày 20-8-1945 Bảo Đại ra tuyên bố

khẳng định nền độc lập của nước Việt Nam. Tuy nhiên, những kêu nỗ lực Trần Trọng Kim và Bảo Đại không mang lại kết quả gì. Chính phủ lâm thời nước VNDCCH yêu cầu Bảo Đại phải thoái vị.

Ngày 30-8-1945 vua Bảo Đại thoái vị trước sự chứng kiến của đông đảo quần chúng ở Huế. Ông trở thành công dân Vĩnh Thụy và vui mừng khi được là công dân tự do của một nước độc lập. Ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời ra Hà Nội giữ chức Cố vấn cho Chính phủ nước VNDCCH. Vốn quen với lối sống của một ông hoàng nên ông khó mà hội nhập được với sự nghiệp kháng chiến kiến quốc đầy gian khổ của dân tộc. Ngày 16-3-1946 Bảo Đại dẫn đầu phái đoàn của Chính phủ VNDCCH (có 4 đại diện của Việt Minh và 2 đại diện của Việt Nam Quốc dân Đảng) sang thăm hữu nghị Trung Hoa Dân quốc tại Trùng Khánh [2, tr. 216]. Nhân cơ hội này ông liền thoái bỏ nhiệm vụ, rồi bỏ đi Hồng Kông và không trở lại Hà Nội nữa.

Để tỏ rõ thiện chí hòa bình và mong muốn giải quyết cuộc xung đột Pháp Việt trên cơ sở thương lượng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã buộc phải ký kết với Pháp bản Hiệp định Sơ bộ Pháp Việt ngày 6-3-1946 chấp nhận cho Pháp đưa quân ra Bắc giải giáp quân Nhật. Trái với thiện chí của ta, trong khi phái đoàn Chính phủ VNDCCH tham dự Hội nghị Fontainebleau và Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm hữu nghị nước Pháp, ngày 1-6-1946 thực dân Pháp thành lập Chính phủ Cộng hòa Nam Kỳ. Từ ngày 1 đến ngày 13-8-1946, Đô đốc Thierry d'Argenlieu tổ chức một Đại hội Đông Dương bao gồm những phần tử tay sai của thực dân Pháp ở Nam Kỳ, Lào và Campuchia tại Đà Lạt để thành lập Liên bang Đông Dương thuộc Pháp. Rõ ràng Pháp muốn tách Nam Kỳ khỏi Việt Nam vĩnh viễn. Đây là một hành động phản trắc, đâm sau lưng

chúng ta. Jean Sainteny⁵ nhận xét sự kiện này như sau: “Tin này khiến cho các đại biểu Việt Nam ngừng ngay cuộc đàm phán, mà chỉ nhờ có sự can thiệp của Hồ Chí Minh vài ngày sau mới được nối lại. Nhưng niềm tin đã chết” [10]. Hội nghị Fontainebleau đổ vỡ do phía Pháp kiên quyết giữ vững lập trường thực dân, không chịu thừa nhận nền độc lập và thống nhất của nước Việt Nam. Đầu tháng 9-1946 phái đoàn ngoại giao của ta trở về nước. Tiếp tục tỏ rõ thiện chí hòa bình, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký tiếp với Pháp bản Tạm ước 14-9-1946 nhân nhượng thêm cho Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hóa và chính trị ở Việt Nam. Tuy nhiên phía Pháp vẫn cố tình gây chiến. Ngày 19-12-1946 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trên cả nước bùng nổ. Hồ Chủ tịch ra “*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*”.

Tuy quyết tâm kháng chiến tới cùng, nhưng Chính phủ VNDCCH luôn mở rộng cánh cửa hòa đàm với Pháp. Ngày 21-3-1947 Hồ Chủ tịch tuyên bố nhân dân Việt Nam mong muốn được độc lập và thống nhất trong Liên hiệp Pháp, tôn trọng quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp ở Việt Nam. Ngày 19-4-1947 Cao ủy Pháp Bollaert đưa ra một đề nghị hòa giải xung đột với những điều khoản chẳng khác nào buộc đối phương phải đầu hàng. Cơ hội hòa bình vượt mất và chiến tranh diễn tiến ngày càng khốc liệt hơn.

3. Tuyên bố Hạ Long, Thỏa hiệp Élysée, Hiệp định Pau và Tuyên bố của Laniel về nền độc lập của nước Việt Nam

Bollaert tập hợp một bọn ô hợp người Việt trong các tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng,

Đồng Minh hội và Đại Việt, được Mỹ và Tưởng hậu thuẫn, để thành lập một lực lượng chính trị mới có tên gọi là Mặt trận liên hiệp quốc gia. A.L.Patti⁶ coi tổ chức này chỉ là “một liên minh lỏng lẻo của những phần tử hợp tác cũ đã mất uy tín, những tên mưu mô đầy tham vọng, bọn bè phái bất lực và một số lãnh tụ thành thật nhưng nông cạn và không có quần chúng” [9]. Mặt trận này không có được một lãnh tụ nào sáng giá và có uy tín trong dân chúng. Tuy chẳng mặn mà gì với Bảo Đại nhưng Pháp buộc phải tìm tới ông như một giải pháp cứu cánh.

Lúc đầu mặt trận liên hiệp này từ chối Bảo Đại, nhưng bị Pháp ép buộc nên đành phải cử người đến gặp Bảo Đại đang lưu vong ở Hồng Kông. Mặc dù biết tổ chức do người Pháp nặn ra này không phải là đại diện cho nhân dân và thừa biết những trò hứa hão độc lập của Pháp, nhưng kiếp sống lưu vong khốn khó ở Hồng Kông và tham vọng quyền lực khiến ông một lần nữa chấp nhận hợp tác với Pháp.

Ngày 6-12-1947 Bảo Đại và Bollaert đã gặp nhau trên một tàu chiến của Pháp tại vịnh Hạ Long. Hai bên đã ký tắt một hiệp định sơ bộ. Pháp dùng những lời lẽ đường mật khi hứa hẹn trao độc lập cho phía Việt Nam. Mỹ xúc tiến giúp đỡ Bảo Đại để chống cộng sản. Mỗi quan hệ tay ba giữa Mỹ, Pháp và Bảo Đại hình thành. Từ đây Bảo Đại trở thành một giải pháp chính trị quan trọng của cả Pháp và Mỹ ở Việt Nam.

Nhận thấy nền độc lập mà Pháp hứa hẹn rất mong manh nên Bảo Đại bỏ đi châu Âu chơi để làm giá với Pháp. Các nhà ngoại giao Pháp buộc phải chạy theo gà cung của mình để thuyết phục. Tháng 1-1948 Bollaert đã gặp gỡ Bảo Đại tại Geneva (Thụy Sĩ). Hai bên gặp nhau khá nhiều lần để thương thuyết. Tháng 3-1948 Bảo Đại từ Pháp trở về Hồng Kông. Ngày

⁵ Năm 1946 Sainteny là Ủy viên Cộng hòa Pháp tại Bắc Đông Dương, Đại diện Chính phủ lâm thời Cộng hòa Pháp.

⁶ A.L.Patti năm 1944 - 1945 là sĩ quan tình báo OSS của Mi hoạt động tại Việt Nam.

26-3-1948 ông triệu tập đại diện của một số đảng phái và giáo phái để chuẩn bị thành lập một chính phủ mới. Thực hiện ý định trên, Nguyễn Văn Xuân liền tổ chức một cuộc họp tại Sài Gòn với khoảng 40 người để lập ra Chính phủ Trung ương lâm thời và trở thành Thủ tướng không qua bầu cử. Ngày 27-5-1948 Nguyễn Văn Xuân tới Hồng Kông để trình danh sách nội các chính phủ mới, đọc lời tuyên thệ trung thành và ứng xử với Bảo Đại như một hoàng đế [2].

Ngày 5-6-1948 Bollaert và Bảo Đại gặp lại nhau tại vịnh Hạ Long. Hai bên ra Tuyên bố chung Hạ Long. Pháp tuy công nhận nền độc lập của nước Việt Nam, nhưng giữ lại quyền kiểm soát ngoại giao, quân đội và Nam Kỳ vẫn thuộc Pháp. Thực tế là Bảo Đại vẫn trắng tay. Do vấp phải sự chỉ trích kịch liệt cả ở trong nước và ở Pháp, Bảo Đại lại bỏ đi châu Âu. Ngày 28-8-1948 ông thông báo cho Bollaert biết là ông sẽ không trở về Việt Nam nếu phía Pháp không hủy bỏ chế độ thuộc địa ở Nam Kỳ và kèm theo một sự đảm bảo cho nước Việt Nam độc lập. Sự cứng rắn của ông khiến Pháp phải nhân nhượng.

Tháng 3-1949 Thỏa hiệp Élysée được ký kết giữa Tổng thống Pháp Vincent Auriol và Bảo Đại. Thỏa hiệp này tuy gồm nhiều nội dung, nhưng ba vấn đề mấu chốt lại không được giải quyết thỏa đáng. Một là sự thống nhất nước Nam. Pháp chấp nhận cho Nam Kỳ sáp nhập trở lại với nước Nam, nhưng chỉ chấp nhận chính thức sau khi tiến hành trưng cầu dân ý. Hai là về ngoại giao, Việt Nam chỉ giữ vị thế phối hợp hoạt động trong khuôn khổ chính sách đối ngoại của Liên hiệp Pháp. Các hoạt động ngoại giao của Việt Nam phải trình và được phía Pháp chấp thuận mới có hiệu lực. Ba là về quân sự, Pháp chấp nhận Việt Nam có quân đội riêng để bảo vệ trật tự, an ninh và lãnh thổ, nhưng quân Pháp vẫn được đồn trú ở Việt Nam,

Pháp vẫn nắm quyền lãnh đạo và chịu trách nhiệm chiến cuộc ở Việt Nam. Pháp sẽ cộng tác để giải quyết những công việc khác. Như vậy Thỏa hiệp Élysée chưa phản ánh được sự độc lập và thống nhất hoàn toàn của nước Việt Nam. Thực tế người Pháp vẫn hiện diện và nắm quyền lãnh đạo trên mọi khía cạnh. Chính quyền của Bảo Đại thực chất vẫn không quyền lực. Nền độc lập mà người Pháp bố thí cho Bảo Đại vẫn là giả hiệu. Bảo Đại coi việc ký hiệp ước này là một chiến tích, đặc biệt là đã thu hồi được đất Nam Kỳ, cái điều mà ông cho rằng Việt Minh đã không làm được tại hội nghị Fontainebleau. Ông háo hức với nhiệm tái tạo một nước Việt Nam mới. Từ đây cựu hoàng Bảo Đại trở thành Quốc trưởng của Quốc gia Việt Nam.

Ngay sau khi ký thỏa hiệp, Bảo Đại về nước xúc tiến thành lập chính phủ mới. Trớ trêu thay chính phủ của ông gồm phần nhiều những kẻ tham lợi, gắn kết quyền lợi chặt chẽ với Pháp, thiếu năng lực lãnh đạo và có ít uy tín trong dân chúng. Tướng G.Revers buộc phải ca ngợi đối thủ và tỏ ra ngán ngẩm với chính phủ Bảo Đại: “Hồ Chí Minh đã có khả năng chống cự lại với sự can thiệp của Pháp lâu đến như thế, chính là vì nhà lãnh đạo Việt Minh đã biết tập hợp xung quanh mình một nhóm những người thực sự có năng lực... Ngược lại Bảo Đại đã có một chính phủ gồm độ 20 đại biểu của toàn các đảng phái ma trong số đó đảng mạnh nhất cũng khó mà đếm mặt được 25 đảng viên” [9]. Theo tướng Navarre thì thỏa hiệp Élysée có nội dung nhập nhằng và không chính thức nói đến từ độc lập: “Các cuộc đàm phán với ông này (Bảo Đại) cũng rất gay go, vì các đòi hỏi của ông cựu hoàng này về vấn đề độc lập cũng không kém gì ông Hồ Chí Minh. Tuy nhiên vào tháng tư năm 1949, ông ta đồng ý với một danh hiệu không thật rõ ràng, đứng đầu “Quốc gia Việt Nam”, một chính thể mà chúng ta công nhận

chủ quyền về mặt chính trị và quân sự, nhưng không chính thức nói đến từ “Độc Lập” [7].

Ngày 8-9-1949 Chính phủ Henri Queille ở Pháp một mặt ra một bản tuyên bố tán dương việc thiết lập xong chế độ Bảo Đại, mặt khác Quốc hội Pháp giờ thủ đoạn câu giờ nên hiệp định có mà như không. Mỹ thấy thế liền hối thúc Pháp thực hiện hiệp định. Mãi tới ngày 16-2-1950 Quốc hội Pháp mới phê chuẩn hiệp định này.

Tiếp đến là Hội nghị giữa Pháp và nước Đông Dương được tổ chức tại Pau, một thành phố nhỏ ở tây nam nước Pháp. Hội nghị kéo dài suốt từ tháng 5 đến tháng 11-1950 để thảo luận về quyền hạn của các nước Đông Dương. Mặc dù có nói rộng hơn một chút quyền tự trị cho các nước này, nhưng các lĩnh vực mấu chốt nhất thì người Pháp quyết không chịu nhả bỏ, đó là quân sự, ngoại giao, kinh tế và tòa án. Rõ ràng Pháp không thực tâm trao trả một nền độc lập hoàn toàn cho Việt Nam. L.A.Patti nhận xét như sau: “Nhiều người Pháp lại cho hội nghị Pau là một sự từ bỏ quyền hành tai hại cho Pháp và cũng có nghĩa như là một sự cáo chung của Pháp ở Đông Nam Á. Phái đoàn Việt Nam lúc đó lại quan niệm các kết quả đạt được cũng là một bước tiến bộ. Họ cảm thấy muốn giành được cái gì từ người Pháp thì cũng phải “ria môi” dần, do đó cần phải có thời gian và kiên nhẫn. Tất nhiên, họ đã lầm, chẳng bao giờ Pháp cho Việt Nam độc lập để mất Đông Dương” [9, tr. 655]. Bảo Đại lúc đầu tỏ vẻ vui mừng với hiệp định mới này, nhưng sớm thất vọng khi Pháp từ chối cho phép ông sử dụng Dinh Norodom, trụ sở chính quyền thuộc địa của Pháp và là biểu tượng của chế độ thực dân. Ông đành phải đóng trụ sở chính quyền của mình tại Đà Lạt. Tướng Navarre cho rằng hiệp định Pau tuy chính thức công nhận nền độc lập của ba quốc gia liên kết ở Đông Dương trong khuôn khổ khối liên hiệp Pháp, nhưng thực chất khối này vẫn chưa được xác định một cách rõ ràng

[7]. Trước sự lộn xộn của người Pháp, ông không có cố gắng đáng kể nào để xây dựng chính quyền vững mạnh, mà dành nhiều thời gian vào các trò tiêu khiển ở Đà Lạt, Nha Trang và Buôn Ma Thuột như một ông vua hộp đêm.

Theo Navarre cho đến năm 1953 Pháp chưa bao giờ có một đường lối chính trị nhất quán. Chính phủ Pháp đưa ra khái niệm “Độc lập cho các Quốc gia liên kết trong khuôn khổ Liên hiệp Pháp”, nhưng đó chỉ là một công thức quyền rũ gồm những khái niệm rất mơ hồ và khác nhau hoàn toàn, nó tùy theo mức độ nhấn mạnh của các quốc gia liên kết vào nền độc lập của họ hay là sự liên kết của họ trong khối liên hiệp Pháp [7]. Sự bết tắc và thất bại trong cuộc chiến ở Đông Dương khiến nội bộ chính giới Pháp càng mẩu thuẫn. Trong khi phái thực dân vẫn muốn duy trì sự tập quyền ở thuộc địa, thì không ít người muốn chính sách thuộc địa phải linh hoạt hơn với thực tế.

Ngày 13-6-1953 Quốc vương Sihanouk bắt ngờ chạy sang nước Xiêm để phản đối nền độc lập giả hiệu mà Pháp trao cho Campuchia. Sau đó ông trở về Campuchia, tự lưu đày mình ở Xiêm Riệp và thông báo sẽ trở về Phnôm Pênh khi nào nền độc lập của Campuchia có hiệu lực. Thái độ này tạo ra một làn sóng chống Pháp ở Campuchia [7]. Ngày 3-7-1953 Chính phủ Laniel ra tuyên bố quy định việc trao trả độc lập cho ba nước Đông Dương. Pháp muốn trả hết quyền độc lập, chủ quyền và những thẩm quyền mà nước Pháp đang nắm giữ; mời ba quốc gia liên kết này cùng tham dự thương lượng về kinh tế, tài chính, pháp lý, kinh tế và quân sự. Theo đánh giá của Navarre thì “bản tuyên ngôn này mang tính lý thuyết nhiều hơn là thực tế, vì nó chỉ nêu lên những nguyên tắc, khi đi vào thực tế còn rất nhiều khó khăn phải giải quyết” [7]. Tuyên bố là vậy nhưng thực tế Pháp vẫn muốn ràng buộc, còn ba nước Đông Dương đòi phải có ngay một nền độc lập hoàn toàn. Suy cho cùng thì

trong con hấp hối ở Đông Dương thực dân Pháp vẫn chưa từ bỏ ý định trao trả nền độc lập hoàn toàn cho Việt Nam. Vì vậy, ngày 15 và 16-10-1953 Quốc hội Việt Nam của chính quyền Bảo Đại đã họp tại Sài Gòn để bày tỏ quan điểm không muốn gia nhập Khối liên hiệp Pháp.

4. Độc lập cho Quân đội Quốc gia Việt Nam

Pháp kịch liệt phản đối Mỹ viện trợ trực tiếp cho chính quyền Bảo Đại. Pháp đóng vai trò là kênh phân phối để nuốt hết viện trợ của Mỹ. Tướng Marcel Carpenchier trả lời báo New York Times ngày 9-3-1950 như sau: “Tôi sẽ không khi nào đồng ý cấp trang bị trực tiếp cho người Việt Nam. Nếu việc đó cứ được làm, tôi sẽ từ chức trong vòng 2 tiếng đồng hồ. Người Việt không có tướng, không có tá, không có tổ chức quân sự để có thể sử dụng một cách hiệu quả các trang thiết bị được giao” [9, tr. 656]. Tướng De Latte và Navarre tuy luôn miệng nói cần phải xây dựng Quân đội Quốc gia Việt Nam, nhưng lại phản đối Mỹ viện trợ quân sự trực tiếp cho quân đội này. Người Pháp chẳng coi chính quyền có quân đội mà như không của Bảo Đại ra cái gì. Họ ăn chặn viện trợ một cách trơ trẽn mà Bảo Đại cũng chẳng thể làm được gì hơn.

Thất bại liên tiếp trên chiến trường khiến Pháp phải da vàng hóa quân đội. De Latte coi cuộc chiến tranh của Pháp ở Việt Nam là vì người Việt Nam chứ không phải vì lợi ích của người Pháp. Ông thúc Bảo Đại phải thành lập một quân đội quốc gia, bắt thanh niên bản xứ nhập ngũ để chết thay cho lính Pháp. Tuy nhiên, quân đội Bảo Đại được đào tạo rất kém, thiếu sĩ quan chỉ huy, thiếu vũ khí và bị người Pháp chỉ huy nên thiếu động lực chiến đấu. Navarre cho rằng các đơn vị quân đội của Bảo Đại được thành lập trên cơ sở chuyển giao những đơn vị bản địa của lực lượng viễn chinh

Pháp nên đó chỉ là sự thay đổi lá cờ mà thôi. Bảo Đại không có một cố gắng nghiêm túc nào trong xây dựng quân đội và không thi hành chế độ quân dịch bắt buộc. Đến năm 1953 quân đội của Bảo Đại chỉ là hữu danh vô thực. Năm 1953 tướng Nguyễn Văn Hinh sang thăm nước Pháp. Ông đề nghị thành lập nhiều tiểu đoàn cơ động nhẹ, thực hiện chế độ quân dịch, có khung sĩ quan và hạ sĩ quan là người Việt. Đề nghị này được Chính phủ Pháp đồng ý về nguyên tắc [7]. Tuy nhiên những cố gắng của tướng Hinh là chưa đủ và muộn màng.

Thượng nghị sĩ Mỹ J.F.Kenedy cho rằng giải pháp Bảo Đại chẳng đi tới đâu nếu phía Pháp vẫn ngoan cố không chịu trao trả độc lập cho Việt Nam: “Độc lập chân chính ... chưa có được ở Đông Dương...; chức năng của Chính phủ bản xứ bị bó hẹp...; Chính phủ nước Việt Nam, một quốc gia quan trọng bậc nhất trong vùng, thiếu sự ủng hộ của quần chúng...; chúng ta sẽ nhấn mạnh tới vấn đề độc lập chân chính... Tôi tin tưởng mạnh mẽ rằng người Pháp không thể thành công ở Đông Dương nếu không có những nhân nhượng cần thiết để làm cho quân đội bản xứ trở thành một đội quân đáng tin cậy và đánh lớn được” [9]. Trong khi Mỹ muốn Pháp trao quyền độc lập hoàn toàn cho quân đội các nước liên hiệp để chống cộng sản, thì Pháp muốn tiến hành từng bước và vẫn giữ mối quan hệ chặt chẽ, thường trực với Pháp. Chính vì sự khác biệt này mà Pháp và Mỹ luôn bất đồng quan điểm với nhau.

Sự độc đoán và chuyên quyền của người Pháp làm cho chính quyền Bảo Đại trong Nam không có năng lực để cạnh tranh với chính phủ hợp pháp của Hồ Chí Minh ở ngoài Bắc. Cuộc chiến của Pháp dù có được sự hà hơi, tiếp sức của Mỹ vẫn trượt dốc không phanh. Tháng 11-1953 tờ báo Expressen của Thụy Điển đăng bài trả lời phỏng vấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Phía VNDCCH sẵn sàng đình chiến nếu phía

Pháp thật thà công nhận nền độc lập hoàn toàn của nước Việt Nam. Sự kiện này đã đẩy Pháp vào một tình thế khó xử, bởi Pháp nhiều lần tuyên bố không thương thuyết với kẻ phản loạn và đã công nhận nền độc lập của nước Việt Nam. Pháp cho rằng đối tượng của Việt Minh là chính quyền Bảo Đại, nhưng Việt Minh từ chối thương thuyết vì coi đó là một chính quyền bất hợp pháp. Trong khi đó chính quyền Bảo Đại muốn né tránh chiến tranh, vì lo sợ bị Pháp bỏ rơi nếu Việt Minh và Pháp thương lượng hòa bình với nhau. Trong tình thế đó, ngày 5-3-1954 Chính quyền Lanier ở Pháp trình ra trước Quốc hội những điều khoản ngừng bắn không khác gì buộc Việt Minh phải đầu hàng vô điều kiện. Rõ ràng cho đến phút hấp hối, Pháp vẫn ngoan cố bấu víu lấy lập trường chiến tranh.

Năm 1953 Navarre nắm quyền chỉ huy quân Pháp ở Đông Dương đã thừa nhận một thực tế là chính quyền Pháp luôn lừa dối các quốc gia liên hiệp Pháp về cái gọi là trao trả nền độc lập: “Chúng ta muốn các Quốc gia Liên kết gia nhập vào một khối Liên hiệp Pháp mà chúng ta vẫn giữ sự lãnh đạo gần như tuyệt đối, nhưng lại làm cho họ nuôi hy vọng sẽ có những quyền lợi ngược lại với thực tế ấy. Chúng ta dùng mảnh khước lừa bịp trong việc hứa trao trả độc lập cho các quốc gia này, đồng thời lại yêu cầu họ dấn sâu vào cuộc chiến tranh, nhân danh sự độc lập đó” [7]. Theo Navarre muốn duy trì sự có mặt của Pháp ở Đông Dương thì phải duy trì quân đội liên hiệp, người Pháp phải đảm nhận việc thành lập và huấn luyện họ, có thể phải chia sẻ quyền chỉ huy hoặc nhường quyền chỉ huy trong một số cuộc hành quân cho họ [7]. Muốn đưa Việt Nam vào cuộc chiến thì phải tìm ra người đứng đầu. Bảo Đại và truyền thống quân chủ mới có thể tạo ra sự liên kết quốc gia. Trong chính phủ Quốc gia Việt Nam không có một nhà chính trị nào có tri thức và tư cách cần thiết để lãnh đạo đất nước ngoài Bảo Đại [7].

Nhận thức này của Navarre thực sự sai lầm bởi cái chế độ quân chủ ở Việt Nam thực tế đã chết từ lâu và Bảo Đại làm gì có uy tín trong dân chúng. Navarre hối thúc chính phủ Pháp buộc chính quyền Bảo Đại tham gia vào cỗ máy chiến tranh của ông, nhưng chính phủ Pháp tỏ ra lẩn tránh. Phải đến tận tháng 4-1954, chính phủ Pháp mới yêu cầu một cách cứng rắn buộc chính quyền Bảo Đại phải tích cực tham gia vào cuộc chiến, nhưng Navarre cho rằng điều đó là quá muộn. Tại trận Điện Biên Phủ, số quân của Bảo Đại tham chiến rất ít và nhanh chóng bị suy sụp. Cuộc chiến ở Điện Biên Phủ gần như là sự độc diễn của quân đội Pháp, do đó thất bại cũng là điều khó tránh khỏi.

Nhìn chung, thực dân Pháp chưa bao giờ có ý định nghiêm túc trao trả quyền độc lập cho nước Việt Nam. Họ đã lừa dối vua Bảo Đại khi hứa hẹn trả lại một số quyền nội trị cho nhà vua theo như hiệp ước 1884. Khi chiến tranh Pháp-Việt lần thứ hai bùng nổ, Chính phủ nước VNDCCH thành tâm kêu gọi Pháp thừa nhận và tôn trọng nền độc lập và thống nhất của nước Việt Nam, nhưng Pháp kiên quyết không chịu thừa nhận, thậm chí coi những người kháng chiến của ta là phản loạn. Pháp tự lập ra Chính phủ Quốc gia Việt Nam ở Nam Kỳ do Bảo Đại đứng đầu để làm bù nhìn cho chúng. Bảo Đại trở thành giải pháp theo những toan tính khác nhau của cả Pháp và Mỹ. Chính phủ Pháp nhiều lần tuyên bố trao trả độc lập cho Việt Nam qua cái kênh chính quyền Bảo Đại, nhưng do thiếu thực tâm nên nền độc lập đó chỉ là cái bánh vẽ. F. Mitterand, một nhà chính trị Pháp, thú nhận: “Từ năm 1949 đến nay, chúng ta đã mười tám lần trao trả “độc lập hoàn toàn” cho Việt Nam. Nhưng đã có lần nào chúng ta làm thực đúng điều đó đâu?” [9]. Tham vọng thực dân đã làm mờ mắt chính giới Pháp. Họ đã đẩy nước Pháp vào một tấn bi kịch thâm ở Việt Nam. Thất bại của Pháp tại Việt Nam không chỉ trên mặt

trận quân sự, mà sâu xa hơn là sự lừa dối, lòng tham vô đáy và chính sách chính trị vừa thiên cận, vừa hẹp hòi với các nước thuộc địa. Nếu như năm 1945 nước Pháp công nhận nền độc lập của Việt Nam thì Pháp còn duy trì được quyền lợi và ảnh hưởng nhiều mặt ở đây. Thất bại tại Điện Biên Phủ năm 1954 khiến Pháp hoàn toàn trắng tay khi rời khỏi Việt Nam. Bảo Đại, con bài chiến lược của Pháp, năm 1955 đã bị Mỹ-Điệm phế truất, phải rời đất nước trong nỗi nhục nhã ê chề.

Tài liệu tham khảo

- [1] Lại Nguyên Ân (sưu tầm và biên soạn): Phan Khôi - Tác phẩm đăng báo 1930, Nxb. Hội nhà văn, HN, 2006.
- [2] Bảo Đại: Con rồng An Nam, Trung tâm Thông tin KH-KTQS, 1982. Lưu tại Thư viện Lịch sử Quân sự, Ký hiệu VL - 3627.
- [3] “Hoàng đế Khải Định thăng hà”, Nam Phong tạp chí, số 99, tháng 11-1925.
- [4] Đinh Xuân Lâm (chủ biên): Hà Nội trong cuộc vận động giải phóng dân tộc cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XIX, Nxb. Hà Nội, 2010.
- [5] Phạm Khắc Hòe: Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc, Nxb. Hà Nội, 1983.
- [6] “Một bài diễn thuyết quan trọng: Quan Toàn quyền Pasquier lược thuật tình hình chính trị Đông Dương và tuyên bố phương châm cải cách”, Nam Phong tạp chí, số 152, tháng 7-1930.
- [7] Henri Navarre: Đông Dương hấp hối, Nxb. Công an nhân dân, HN, 2004.
- [8] Vũ Dương Ninh: “Bảo Đại và bản Thỏa ước Élysée năm 1949”, tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 2 (454), 2014.
- [9] Archimedes L.A.Patti: Why Vietnam, Tại sao Việt Nam, Nxb. Đà Nẵng, 2008.
- [10] Jean Sainteny: Câu chuyện về một nền hòa bình bị bỏ lỡ, Nxb. Công an nhân dân, HN, 2004.
- [11] “Vị quốc vương tân thời thứ nhất của nước Nam: Một ngày của Hoàng thượng”, Nam Phong tạp chí, số Đặc biệt, 1932.

The Missed Independence and the Collapse of French Colonialism in Vietnam

Trần Viết Nghĩa

Abstract: In an attempt to cope with the Vietnamese liberation movements, from the 1920s until the August Revolution of 1945, the French colonialists repeatedly promised to broaden the freedom and democracy for the Vietnamese people, as well as the autonomy for the Nguyen court. Nevertheless, the French colonialists never undertook their promises honestly. In the period between 1945 and 1954, the French also promised to return independence to Vietnam. Instead of returning independence to the Democratic Republic of Vietnam, however, the French installed the Bao Dai government and only negotiated with this government. This was one of the main reasons leading to the collapse of the French colonialism in Vietnam.

Keywords: Independence, collapse, the French colonialism, Bao Dai, Vietnam.